TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST Ngày: 26 – 01 – 2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hường

2. Ông Trương Văn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y P, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Y P trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng đến khoảng tháng 11 năm 2022 xảy ra mâu thuẫn cãi vã do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó bà bỏ về nhà mẹ đẻ sống

đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau. Sư việc được cả gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không thành. Nay tình cảm của bà với ông T không còn nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng bà có một người con chung là cháu Phạm Hoàng Tố T1, sinh ngày 08/9/2018, hiện đang sống với ông T. Ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà đang làm nhân viên Spa thu nhập bình quân tháng trên 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2023 bà yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe máy hiệu SH, biển số 85D1-704.75 trị giá 85 triệu đồng. Hiện ông T đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đã tự thống nhất được việc giải quyết tài sản chung. Nên bà rút yêu cầu về chia tài sản chung.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:

Ông và Phạm Thị Y P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện N vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2022 xảy ra mâu thuẫn, bà P bỏ chồng con đi đâu không biết. Đến khoảng tháng 12/2022 ông có liên hệ với bà P thì bà P nói hết tình cảm với ông, ông sống và nuôi con đến nay, bà P không quan tâm hỏi thăm gì. Nay bà P xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà P vì tình cảm của ông với bà P cũng không còn.

Về con chung: Vợ chồng ông có một người con chung tên Phạm Hoàng Tố T1, sinh ngày 08/9/2018, hiện đang sống với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, vì con chung đang được ông chăm sóc tốt từ khi bà P bỏ đi, nếu giao cho bà P sẽ làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu. Ông cũng không yêu bà P cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay ông đang tài xế lái xe thu nhập bình quân mỗi tháng trên 9.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác nhận như bà P trình bày là đúng. Vợ chồng đã tự thỏa thuận về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Phạm Thị Y P với ông Phạm Ngọc T chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà P bỏ về nhà mẹ đẻ sống đến nay, không quan tâm nhau. Nay bà P xin ly hôn, ông T đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà P. Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Hoàng Tố T1, sinh ngày 08/9/2018, nguyện vọng cháu Phạm Hoàng Tố T1 được sống với ông T, mặt khác hiện ông T đang trực tiếp chăm sóc tốt con chung, đã quen với điều kiện và môi trường sống đó. Nên giao cháu Tố cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu

cầu. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, do các bên đã tự thống nhất về chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị Y P khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện N xin ly hôn với ông Phạm Ngọc T trú tại thôn Phước An 1, xã P1, huyện N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe máy hiệu SH, biển số 85D1-704.75 trị giá 85 triệu đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn đã rút, quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Y P và ông Phạm Ngọc T chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện N trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm. Nay bà P xin ly hôn với ông T, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự như trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa bà P và ông T.

[2.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Y P và ông Phạm Ngọc T có một người con chung là cháu Phạm Hoàng Tố T1, sinh ngày 08/9/2018 hiện đang sống với ông T.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà P và ông T.

Biên bản xác minh ngày 20/12/2023, ông Lê Duy Hưng trưởng ban quản lý thôn Phước An 1, xã P1 cho biết: "*Bà Phạm Thị Y P và ông Phạm Ngọc T là vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại Phước An 1, P1. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bà P bỏ con cho chồng và gia đình chồng chăm sóc về sống với cha mẹ ruột. Bà P bỏ con đi đã gần 02 năm nay, cháu Tố được cha là Phạm Ngọc T và gia đình phía nội chăm sóc, nuôi dưỡng tốt về vật chất và tinh thần, rất thương yêu cháu. Để tránh sự xáo trộn về cuộc sống, cũng như việc học tập nên để cháu tiếp tục sống với cha và gia đình*

nhà nội”. Mặt khác, tuy cháu Phạm Hoàng Tố T1 đến nay chưa đủ bảy tuổi để ghi nguyện vọng, nhưng cháu vẫn đề nghị Tòa án ghi nguyện vọng của cháu là được sống với cha.

HĐXX xét thấy bà P đã bỏ đi không nuôi cháu Phạm Hoàng Tố T1 hơn một năm nay. Hiện tại cháu Tố đã quen với điều kiện, môi trường sống và được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; nếu giao cháu Tố cho bà P nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Nên cần thiết phải giao con chung là cháu Phạm Hoàng Tố T1 cho ông Phạm Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc và giao dục là có căn cứ và phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cũng như tinh thần Án lệ số 54/2022/AL.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà P.

[3] Về án phí: Bà P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Y P.

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Y P và ông Phạm Ngọc T.

2/. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Tố T1, sinh ngày 08/9/2018 cho ông Phạm Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Phạm Thị Y P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Y P đối với yêu cầu chia tài sản chung. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Y P phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.425.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm hai mươi năm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000925, ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Hoàn trả lại cho bà P 2.125.000 đồng (*Hai triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) tiền chênh lệch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/01/2024).

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- UBND xã P1;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
Lê Thị Hường	**Lưu Văn Thủy**
	Vũ Văn Cường